



Jonathan Pincus
Summer 2022

THAY ĐỔI CẤU TRÚC KINH TẾ

Development Policy

FSPPM

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI CUNG LAO ĐỘNG KHÔNG GIỚI HẠN (1954)



W. Arthur Lewis

- Các nước đang phát triển làm thế nào để tăng suất sinh lợi đầu tư trong quá trình công nghiệp hóa?
- Câu trả lời: cung lao động không cố định bởi một số lao động thất nghiệp hoặc thiếu việc
- Mức lương không phải luôn bằng với năng suất biên → phải có một cơ chế quyết định lương “có tính thể chế” hoặc bằng cách thương lượng.

Hai đặc điểm về cấu trúc kinh tế của nước đang phát triển

1. Dư thừa lao động xuất hiện, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, đây là lao động không có việc làm hoặc việc làm không đúng năng lực dù mức lương thị trường thấp.
2. Tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư trong tổng thu nhập quốc gia thấp.



THAY ĐỔI CẤU TRÚC KINH TẾ

- Bốn khía cạnh:
 - Tỷ lệ nông nghiệp trong tổng sản phẩm và việc làm quốc nội giảm dần
 - Tỷ lệ ngành công nghiệp chế biến và dịch vụ hiện đại tăng dần
 - Di dân từ nông thôn lên thành thị (và giữa các vùng nông thôn)
 - Nhân khẩu học thay đổi theo hình $\cap$: Tỷ lệ tử vong sơ sinh giảm, sau đó tỷ lệ sinh đẻ giảm .
- Tăng trưởng năng suất của ngành công nghiệp chế biến nhanh hơn ngành nông nghiệp, cho nên dù sản lượng của nông nghiệp tăng, tỷ lệ nông nghiệp trong GDP vẫn giảm.
- Tỷ lệ công nghiệp chế biến trong GDP tăng cho đến khi GDP theo đầu người đạt mức \$14,000 (mức thu nhập cao)
 - Dệt may, quần áo và chế biến thực phẩm là những ngành phát triển đầu tiên: thâm dụng lao động, công nghệ thấp, nhu cầu trong nước
 - Những quốc gia phát triển ngành công nghiệp chế biến thành công sẽ dần chuyển sang những ngành nghề thâm dụng vốn và kiến thức như chế tạo máy móc và phương tiện giao thông



ĐỊNH LUẬT (ENGEL'S LAW): ĐỘ CO GIÃN THU NHẬP CỦA THỰC PHẨM NHỎ HƠN 1.

- Thay đổi trong nhu cầu về lượng thực phẩm so với thay đổi thu nhập
- $\varepsilon_d = \frac{\Delta Q/Q}{\Delta I/I}$, trong đó Q là lượng cầu và I là thu nhập.
- Đối với thực phẩm, ε lớn hơn 0 và nhỏ hơn 1 (cầu sẽ tăng theo thu nhập nhưng không tăng nhiều như mức tăng của thu nhập).
- Khi giàu hơn, chúng ta sẽ giảm khoản chi tiêu dành cho thực phẩm trong thu nhập và tăng chi tiêu cho những thứ khác như nhà cửa, quần áo, giáo dục, dịch vụ giao thông, v.v.

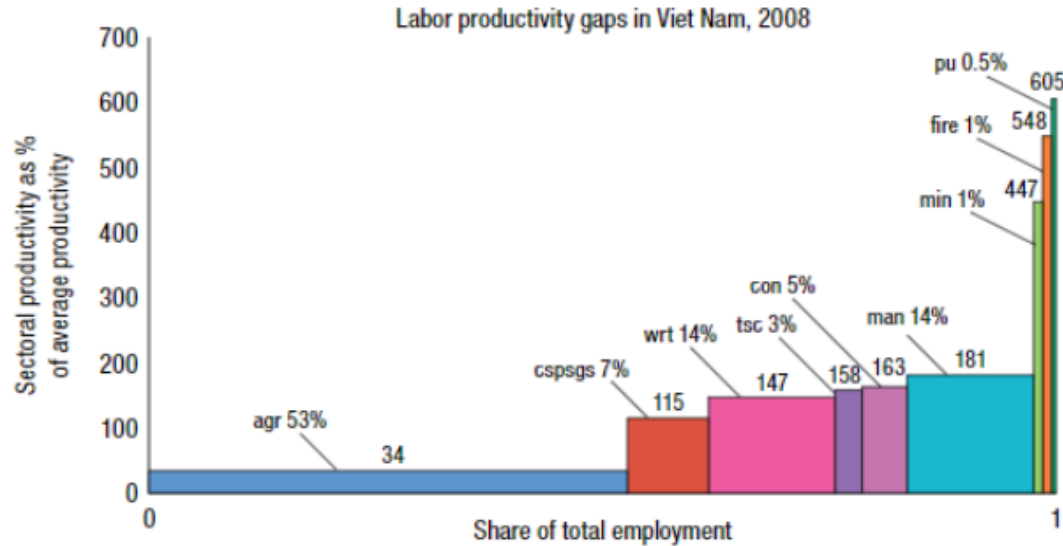


NĂNG SUẤT CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN CHẾ TẠO TĂNG NHANH HƠN NHỮNG NGÀNH KHÁC

- Công nghiệp chế biến không bị hạn chế bởi các quá trình sinh học, tính thời vụ hay khí hậu
- Suất sinh lợi tăng dần theo quy mô trong công nghiệp chế biến phổ biến hơn trong nông nghiệp
- Xuất khẩu hàng CN CBCT tạo cơ hội tăng năng suất nhanh
- Thậm chí khi sản lượng đầu ra nông nghiệp tăng, tỉ lệ nông nghiệp trong GDP vẫn giảm
- Nhưng khác biệt trong năng suất lao động sẽ dần thu hẹp khi lao động rời khỏi nông nghiệp chuyển sang các ngành nghề khác (ít lao động trong nông nghiệp có nghĩa mỗi lao động có năng suất cao hơn)



KHOẢNG CÁCH VỀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM NĂM 2008



Source: McCaig and Pavcnik 2016

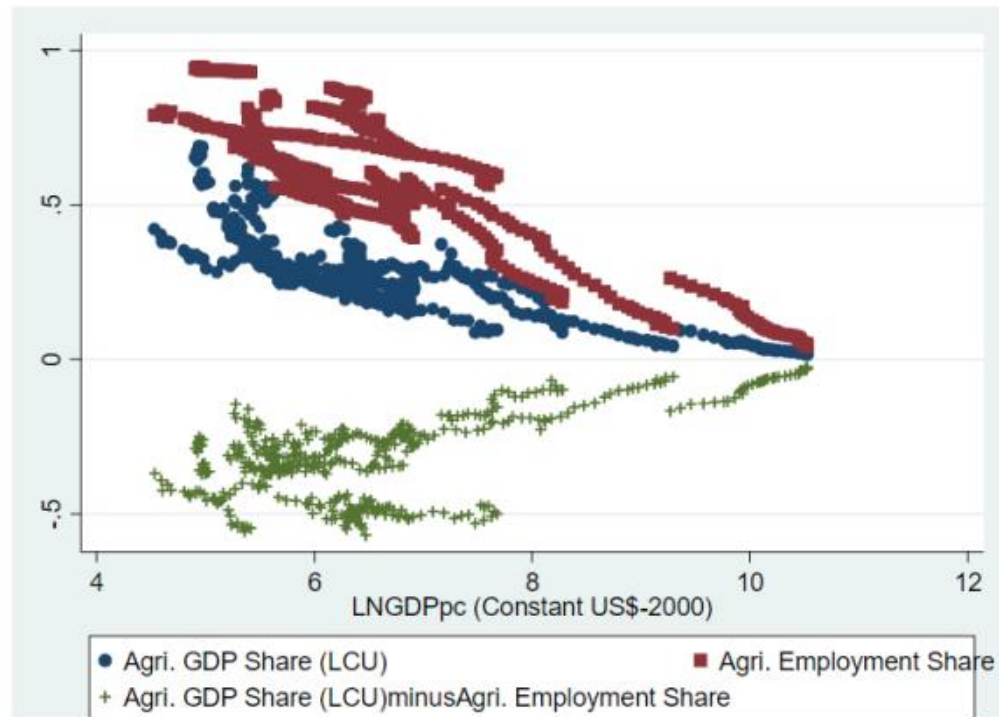
- Năng suất lao động của ngành công nghiệp chế biến gấp 5 lần ngành nông nghiệp
- Dòng dịch chuyển của lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ diễn ra chậm nhưng đều đặn
- Dòng dịch chuyển của lao động từ ngành nghề không kê khai sang những ngành nghề có kê khai diễn ra chậm nhưng đều đặn



KHOẢNG CÁCH GIỮA TỈ LỆ VIỆC LÀM VÀ TỈ LỆ TRONG GDP CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP CHÍNH LÀ KHOẢNG CÁCH VỀ NĂNG SUẤT

- Tỉ lệ lao động trong ngành nông nghiệp giảm chậm hơn tỉ lệ nông nghiệp trong GDP
- Năng suất thấp và dư thừa lao động trong nông nghiệp
- Khoảng cách dần biến mất ở các mức thu nhập cao
- Lao động ở các nước châu Á rời khỏi ngành nông nghiệp chậm hơn là vì nông thôn được đầu tư nhiều

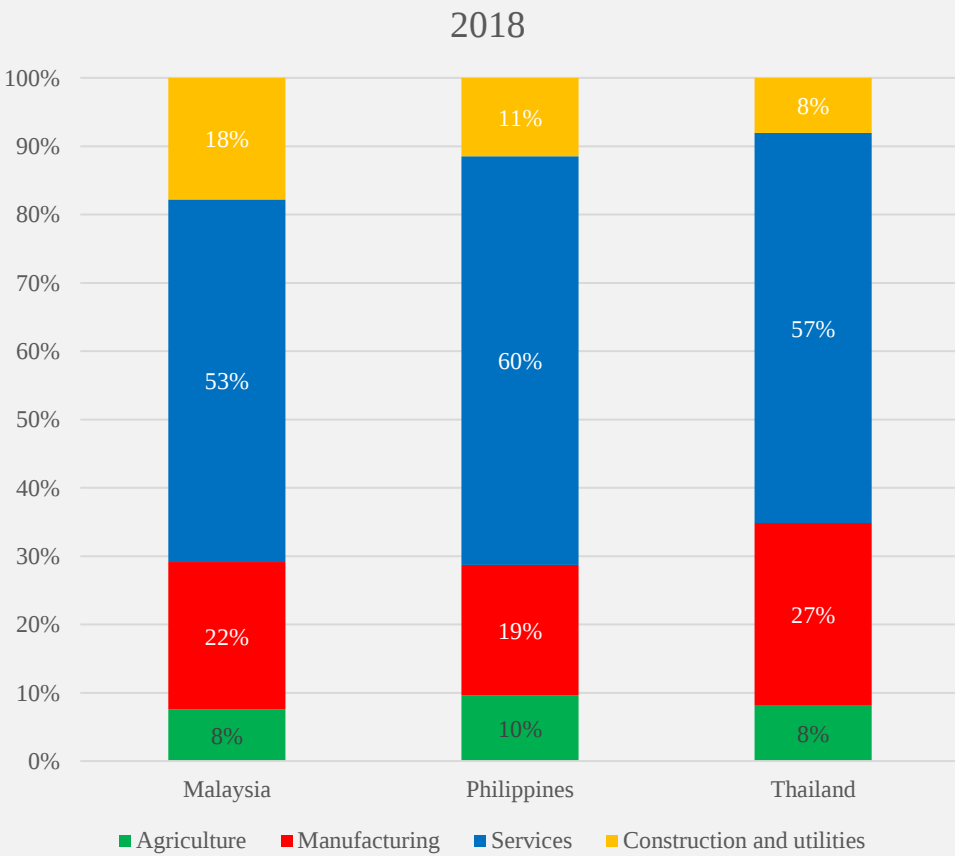
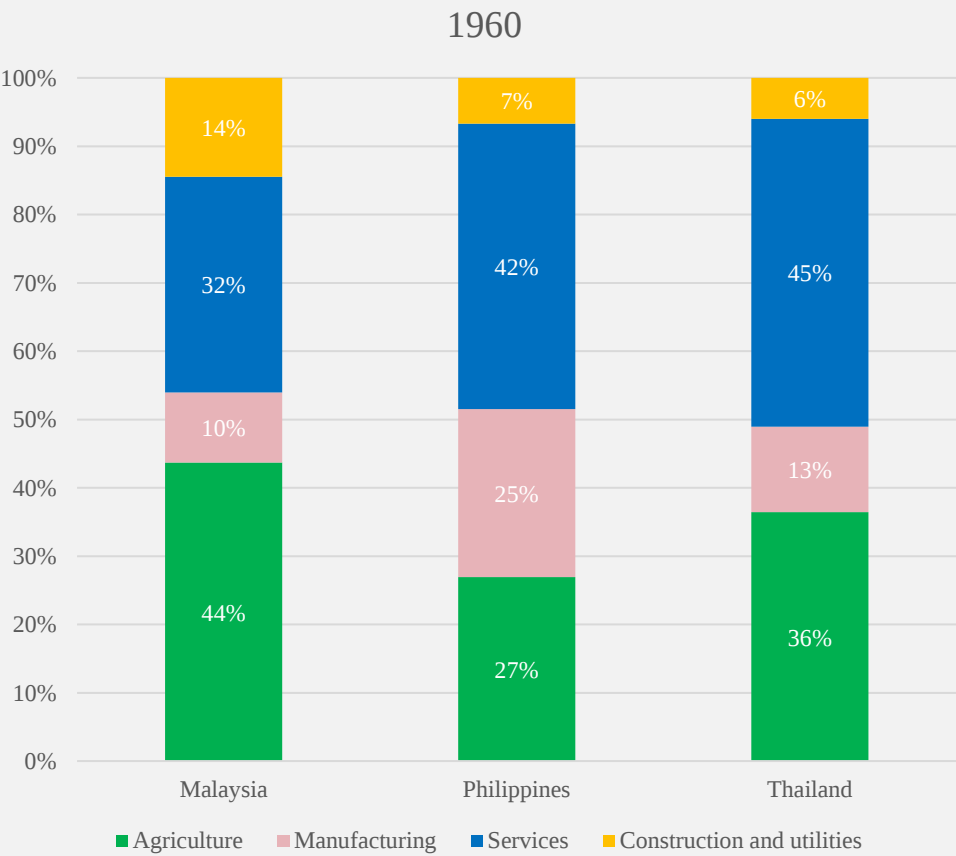
13 Asian Countries – Bangladesh, China, India, Indonesia, Japan, Korea, Malaysia, Nepal, Pakistan, Papua New Guinea, Philippines, Sri Lanka, and Thailand



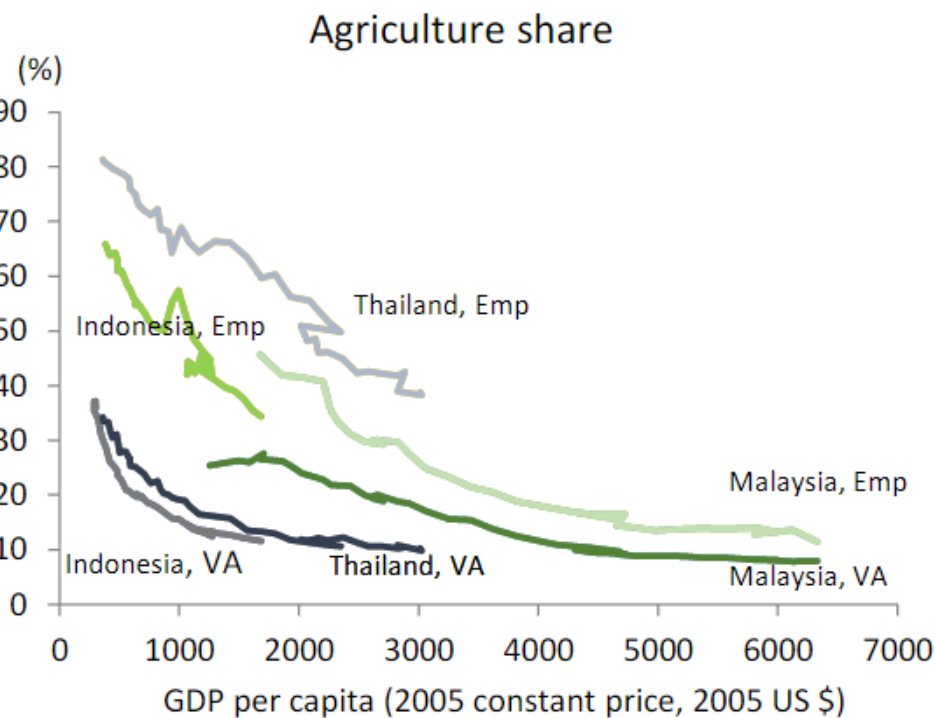
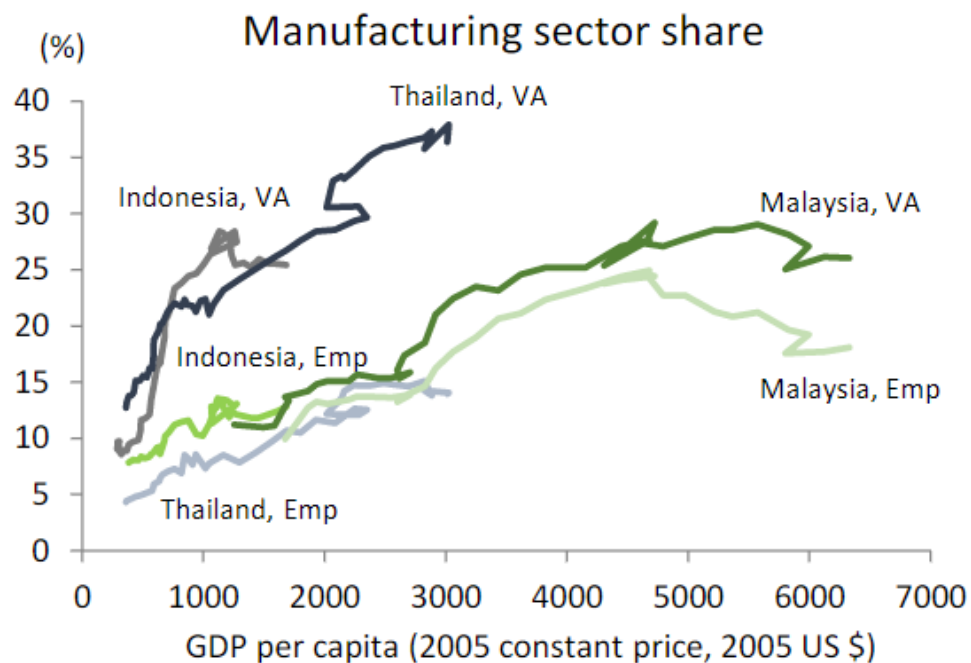
Timmer and Akkus 2008



THAY ĐỔI CƠ CẤU: TỈ LỆ CỦA NÔNG NGHIỆP TRONG GDP GIẢM

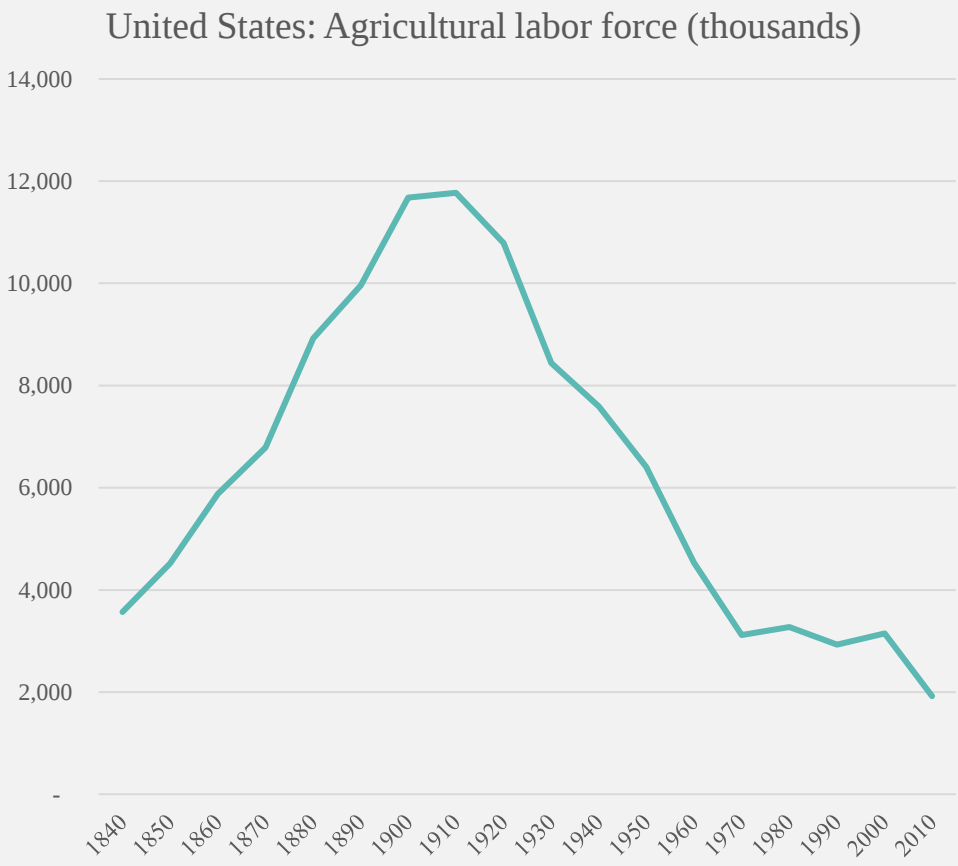
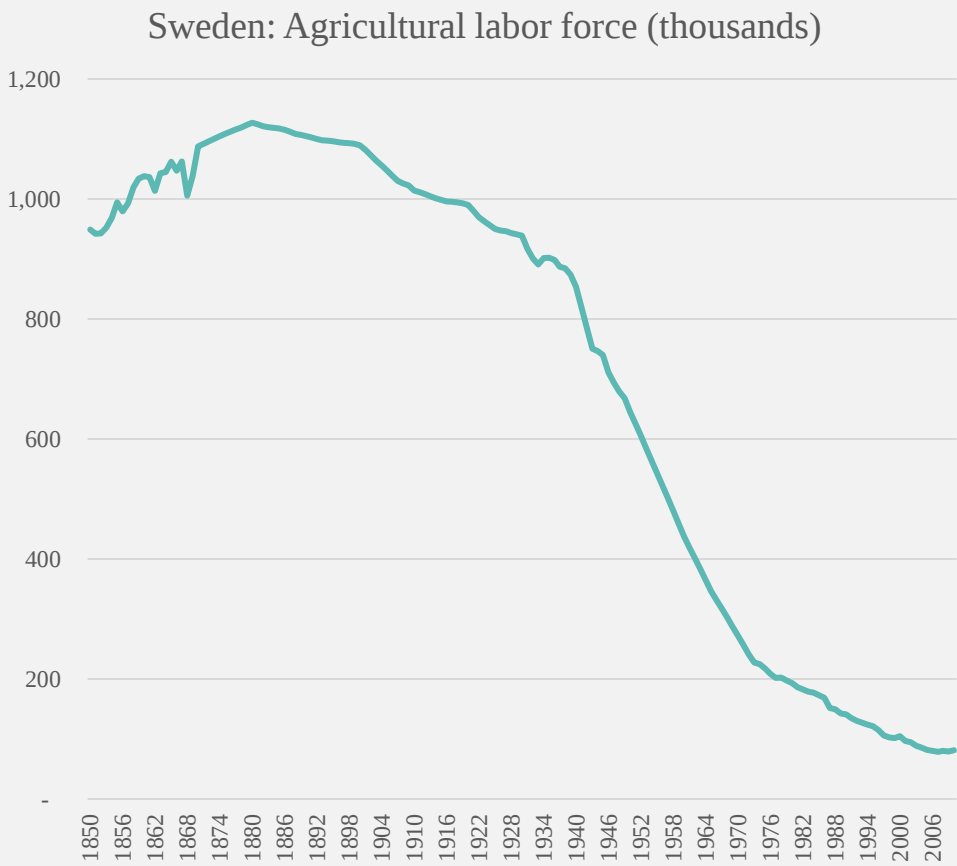


GIÁ TRỊ GIA TĂNG CỦA CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN TĂNG TƯƠNG ỨNG VỚI TĂNG GDP TRÊN ĐẦU NGƯỜI



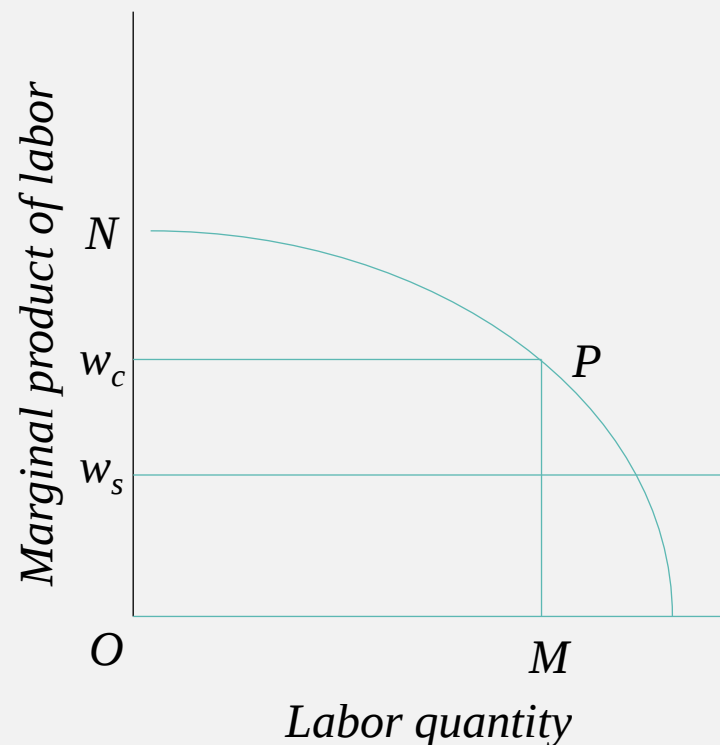
Source: Arief and Sumner 2017

TỈ LỆ LAO ĐỘNG TRONG NÔNG NGHIỆP GIẢM KHI NGƯỜI LAO ĐỘNG CHUYỂN SANG CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ



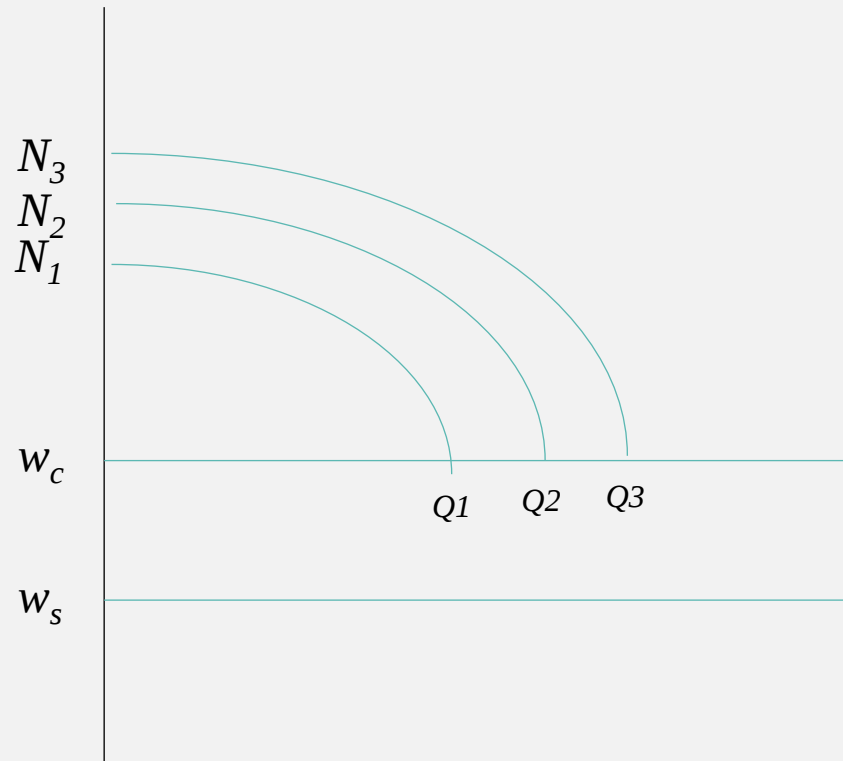
LEWIS: PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI NGUỒN CUNG LAO ĐỘNG KHÔNG GIỚI HẠN (1954)

- Năng suất biên của lao động thấp $\rightarrow$ dư thừa lao động gia đình ở nông trại nhỏ; thương nhân nhỏ; người đánh giá; lao động nữ không được trả lương.
- Nguồn cung lao động ở mức lương tối thiểu đủ duy trì sinh hoạt lớn hơn nhu cầu lao động và vì vậy lao động được xem là ‘không giới hạn’.
- Nếu w là mức lương mà các nhà tư bản phải trả để thu hút lao động (cao hơn mức đủ duy trì sinh hoạt)
- Nhà tư bản sẽ tuyển lao động tại điểm mà năng suất biên bằng với tiền lương
- Tỷ lệ của người lao động sẽ là w/PMO và tỷ lệ của nhà tư bản sẽ là Nw/P
- Lao động không làm việc trong những ngành tư bản tuyển dụng sẽ có thu nhập thấp hơn w và cao hơn M



PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI NGUỒN CUNG LAO ĐỘNG KHÔNG GIỚI HẠN (1954)

- “Chìa khóa của quá trình này là thặng dư của nhà tư bản sẽ được sử dụng vào mục đích gì
- Khi thặng dư được tái đầu tư, năng suất biên của lao động và lượng lao động trong ngành tư bản sẽ tăng và lại tiếp tục làm tăng thặng dư của nhà tư bản.
- Vì sao tỉ lệ tiết kiệm tại các nước nghèo lại thấp? Không phải vì họ nghèo, mà vì các ngành tư bản quá nhỏ bé. Lợi nhuận chiếm tỉ lệ rất nhỏ bé trong tổng thu nhập quốc gia.



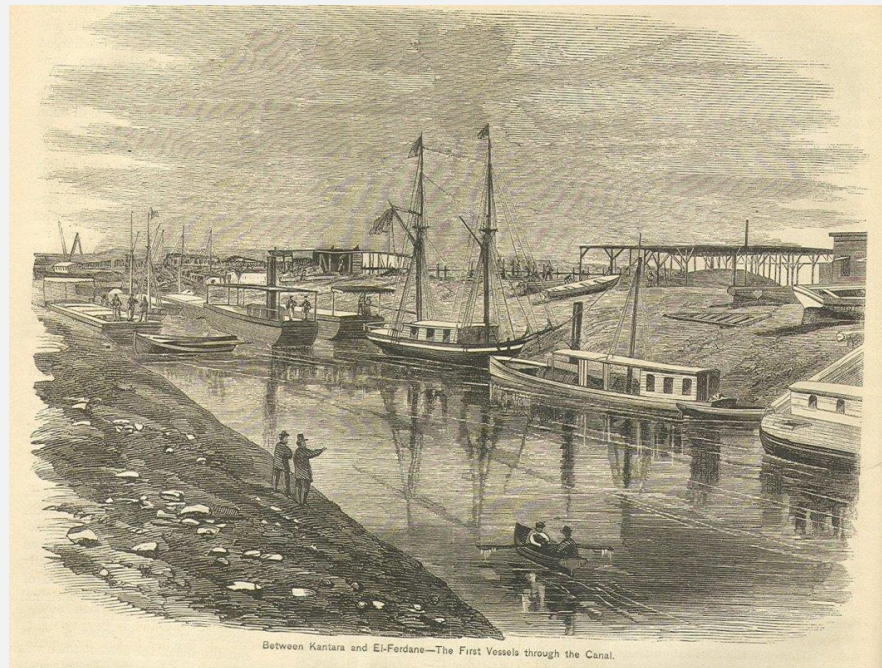
LEWIS LÀ BƯỚC NGOẶT THOÁT KHỎI MÔ HÌNH TÂN CỔ ĐIỂN

- Trong kinh tế tân cổ điển, toàn bộ lao động đều nhận mức lương theo năng suất biên
- Vì vậy tăng tỷ lệ tiết kiệm trong GRD sẽ trả giá bằng tỷ lệ tiêu dùng (người lao động tiết kiệm thu nhập), và phần tiết kiệm này được sử dụng để đầu tư
- Nhưng với lao động “thặng dư”, tiền lương thấp hơn năng suất cận biên trong khu vực tư bản, tạo ra thặng dư để tái đầu tư đến từ tiết kiệm của nhà tư bản, không phải tiết kiệm của công nhân.
- Cơ chế này chỉ hoạt động nếu có đủ nguồn cung thực phẩm (hàng hóa tiền lương) để ngăn ngừa lạm phát và tăng lương (điều này sẽ làm giảm thặng dư) – đây là giới hạn hàng hóa tiền lương (wage goods constraint)
- Quá trình này chấm dứt khi lao động dư thừa được tuyển dụng và tiền lương thực tăng.



ĐÔNG NAM Á TỪ DƯ THỪA ĐẤT ĐAI CHUYỂN SANG DƯ THỪA LAO ĐỘNG

- Năm 1990, dân số của Đông Nam Á là 80 triệu người, trong đó 1/3 sinh sống ở Java: nhà nước yếu kém, biên giới nhiều lỗ hổng, du canh du cư.
- Cách mạng Công nghiệp và các tiến bộ trong giao thông vận tải đã làm tăng nhu cầu đối với các sản phẩm nhiệt đới như cao su, trà, cà phê, đường và khoáng sản như dầu mỏ và sắt thép.
- Kênh đào Suez và tuyến đường sắt xuyên lục địa của Mỹ hoàn tất vào năm 1869; các tiến bộ về tàu thủy đã khiến vận chuyển đường dài có tính khả thi về thương mại
- Burma, Thái Lan và Việt Nam xuất khẩu gạo để nuôi sống lực lượng lao động ngày càng tăng ở các hầm mỏ, đồn điền, nhà máy.
- Từ 1880 đến 1940, 20 triệu người Ấn Độ và Trung Hoa di cư đến Đông Nam Á -> làn sóng di cư này tương đương với làn sóng di cư của người châu Âu đến Bắc Mỹ
- Nhưng di dân chủ yếu là đàn ông (cho đến thập niên 1920) và chủ yếu là di cư con lác → di dân vĩnh viễn chỉ khoảng 20%
- Thương nhân địa phương chủ yếu là trồng trọt, trong khi đồn điền và các hầm mỏ hoạt động nhờ vào lao động nhập cư giá rẻ; giới tinh hoa địa phương từ chối sử dụng lao động địa phương trong các đồn điền.



TỪ DƯ THỪA ĐẤT ĐAI CHUYỂN SANG DƯ THỪA LAO ĐỘNG (HIRSCHMAN AND BONAPARTE 2012)

Population Estimates (Millions) and Average Annual Growth Rates by Country:
1950 to 2010, with Projections to 2050 (continued on next page)

	Colonial Censuses		UN Population Estimates			1980	1990	2000	2010
	c. 1900–11	1930–39	1950	1960	1970				
World			2,532	3,038	3,696	4,453	5,306	6,123	6,896
Asia			1,403	1,708	2,135	2,638	3,199	4,164	4,164
SE Asia	~85	~130	173	219	285	359	445	524	593
% of World Pop			6.8%	7.2%	7.7%	8.1%	8.4%	8.6%	8.6%
% of Europe			31.6%	36.3%	43.5%	51.8%	61.8%	72.1%	80.4%
Brunei Darussalam			0.0	0.1	0.1	0.2	0.3	0.3	0.4
Cambodia	1.7		4.3	5.4	6.9	6.5	9.5	12.4	14.1
Indonesia	40.2	60.7	74.8	91.9	118.4	150.8	184.3	213.4	239.9
Laos	0.6		1.7	2.1	2.7	3.2	4.2	5.3	6.2
Malaysia	2.4	3.8	6.1	8.2	10.9	13.8	18.2	23.4	28.4
Myanmar/Burma	10.5	14.7	17.2	21.0	26.2	32.9	39.3	45.0	48.0
Philippines	7.6	16.0	18.4	26.0	35.5	47.1	61.6	77.3	93.3
Singapore	0.2	0.6	1.0	1.6	2.1	2.4	3.0	3.9	5.1
Thailand	8.3	11.5	20.6	27.3	36.9	47.5	57.1	63.2	69.1
Timor-Leste			0.4	0.5	0.6	0.6	0.7	0.8	1.1
Vietnam	14.9	17.6	28.3	35.2	44.9	54.0	67.1	78.8	87.8



TỈ LỆ SINH SẢN NGÀY CÀNG TĂNG VÀ TỈ LỆ TỬ VONG NGÀY CÀNG GIẢM

- Hoạt động sản xuất của thực dân làm tăng nhu cầu đối với lúa gạo và kích thích mở rộng các vùng trồng lúa.
- Chính quyền thực dân giảm xung đột chiến tranh và bất ổn chính trị
- Không có nhiều bằng chứng về tỉ lệ tử vong giảm cho đến sau khi các nước này giành được độc lập: Nhưng sau 1950 tỉ lệ tử vong giảm ở mức kỷ lục trong lịch sử → các chương trình diệt côn trùng gây bệnh (sốt rét) và tiêm chủng trẻ em.
- Tỉ lệ sinh sản bắt đầu thay đổi từ thập niên 1980: mức thu nhập tăng và tỉ lệ phụ nữ tốt nghiệp trung học và đại học tăng là những nguyên nhân chính.
- Dân số Đông Nam Á sẽ chững lại vào nửa sau thế kỷ 21



TỪ KHAN HIẾM LAO ĐỘNG ĐẾN DƯ THỪA LAO ĐỘNG VÀ THAY ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ Ở ĐÔNG NAM Á

- Chính những vùng đất chưa được khai thác đúng tiềm năng đã thu hút các đế quốc thực dân đến Đông Nam Á, chứ không phải dư thừa lao động
 - Trong những năm đầu của thực dân, lao động được nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ để làm việc trong các đồn điền và hầm mỏ.
 - Việt Nam là một trường hợp ngoại lệ: lao động được nhập khẩu từ phía bắc để làm việc trong các đồn điền cao su ở phía Nam – mức độ bóc lột lao động địa phương là yếu tố quan trọng đằng sau các phong trào yêu nước và cộng sản
- Hệ quả không mong muốn của chủ nghĩa thực dân đế quốc: tỉ lệ sinh tăng khi các đế quốc áp đặt trật tự (ít các cuộc chiến hơn) và tăng nhu cầu đối với lương thực thực phẩm (lúa gạo) → tiến trình dịch chuyển rất dài từ khan hiếm lao động chuyển sang dư thừa lao động.
- Tỉ lệ tử vong giảm sau khi các nước giành được độc lập, dân số tăng nhanh.



MỘT SỐ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

- Phát triển phải bao gồm sự chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và tăng đầu tư vào công nghiệp.
- *Điều này không có nghĩa là* giảm đầu tư vào nông nghiệp: Như chúng ta sẽ thấy trong những tuần sau, thay đổi cơ cấu có thể bị bóp chết vì năng suất của nông nghiệp tăng chậm.
- Tạo ra công ăn việc làm chính là chìa khóa để giảm đói nghèo và bất bình đẳng: Nếu việc làm tăng trưởng chậm, lao động sẽ bị kẹt trong các ngành có năng suất thấp, công việc bấp bênh, và khiến bất bình đẳng càng tăng.
- Kết quả phụ thuộc vào cách sử dụng thặng dư của (nhà tư bản) tạo ra trong quá trình thay đổi cơ cấu. Nếu thặng dư được đầu tư vào các ngành mang tính đầu cơ (như đất đai, bất động sản) thay vì những tài sản tạo ra năng suất (như nhà máy), tăng trưởng sẽ chậm lại.



CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Giải thích mối quan hệ giữa lao động dư thừa và tích lũy tư bản để đầu tư. Các yếu tố có thể làm xáo trộn quan hệ này?
2. Mô tả sự chuyển đổi ở các quốc gia Đông Nam Á từ nền kinh tế dư thừa đất đai sang dư thừa lao động? Điều gì sẽ xảy ra khi và nếu Việt Nam không còn dư thừa lao động?

